

Số: **19** /2018/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày **04** tháng **7** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước
về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 tháng 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 giữa Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-STNMT ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Văn bản số 403/BC-STNMT ngày 25 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ~~16~~ tháng ~~7~~ năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Kon Tum;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Văn thư lưu trữ;
- Báo Kon Tum;
- Đài PTTH tỉnh Kon Tum
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước
về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **19** /2018/QĐ-UBND
ngày **04** tháng **7** năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Những nội dung khác không đề cập trong Quy chế được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, dịch vụ có phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường và một số tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, kịp thời, công khai, minh bạch. Tránh hình thức, chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ, ảnh hưởng đến các hoạt động thường xuyên của mỗi đơn vị.

2. Xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của cán bộ công chức, viên chức, cá nhân khác trong thực thi nhiệm vụ.

3. Phương thức phối hợp: Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau đây:

- a) Lấy ý kiến bằng văn bản.
- b) Tổ chức họp, hội nghị.
- c) Tổ chức đoàn khảo sát, thanh tra, kiểm tra.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 4. Phối hợp trong truyền thông, nâng cao nhận thức về BVMT

1. Xây dựng và thực hiện Chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Ủy ban MTTQ Việt Nam) và các tổ chức Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình phối hợp nhằm cụ thể hóa các Chương trình phối hợp của các cơ quan Trung ương trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo từng giai đoạn cụ thể.

b) Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện, UBND cấp xã trên cơ sở chương trình phối hợp của cơ quan cấp tỉnh phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp triển khai chương trình phối hợp.

c) Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện chương trình. Định kỳ 05 (năm) năm một lần tổ chức tổng kết chương trình, đánh giá, rút kinh nghiệm thông qua kết quả thực hiện và xây dựng Chương trình phối hợp trong các giai đoạn tiếp theo (nếu có).

2. Hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về BVMT, nâng cao năng lực và nhận thức BVMT cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp, các ngành, tổ chức hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài Khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN), tiểu thủ công nghiệp (TTCN). Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường trên các phương tiện truyền thông như Website, tạp chí của ngành.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, nâng cao nhận thức BVMT cho Chủ đầu tư hạ tầng và các Doanh nghiệp hoạt động trong KCN, CCN bằng các hình thức thông qua hệ thống Website, tổ chức các Hội nghị tập huấn, tuyên truyền, tài liệu tuyên truyền...

c) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ trì hướng dẫn, tuyên truyền về công tác BVMT, các hoạt động quản lý, thu gom, xử lý chất thải theo lĩnh vực quản lý.

d) Sở Thông tin Truyền thông chủ động thực hiện và định hướng các cơ quan truyền thông tăng cường tuyên truyền về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

đ) Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức BVMT cho hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân.

3. Kinh phí thực hiện hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các cơ quan thực hiện hoạt động truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường hằng năm.

Điều 5. Phối hợp trong công tác quản lý chất thải

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì tham mưu thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, tham mưu xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường về chất thải theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra việc xử lý chất thải phát sinh do các cơ sở sản xuất kinh doanh thải ra theo địa bàn quản lý.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế:

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh trong việc quản lý, xử lý chất thải phát sinh trong các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tham mưu, đề xuất xây dựng quy hoạch, vận hành hệ thống xử lý chất thải trong phạm vi các KCN, CCN được giao quản lý.

c) Chịu trách nhiệm các vấn đề quản lý chất thải phát sinh trong KCN, CCN, là đầu mối giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về quản lý chất thải tại các KCN, CCN được giao quản lý.

3. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan lập, trình phê duyệt và công bố quy hoạch xây dựng các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh, quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu dân cư, đô thị, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài KCN, CCN.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND các huyện, thành phố thẩm định hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các công trình đầu tư, xây dựng có liên quan đến chất thải.

4. UBND các huyện, thành phố:

a) Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật để xây dựng các công trình xử lý chất thải theo quy hoạch; tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, kiểm tra việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, xử lý, giải tỏa các bãi rác tự phát, các trường hợp đổ chất thải không đúng quy định.

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn rà soát, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thực hiện các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

5. Các Sở, ban, ngành có liên quan:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố xây dựng quy hoạch ngành phải tuân thủ các quy định về quy hoạch quản lý chất thải của tỉnh.

b) Hướng dẫn các đơn vị theo phân cấp quản lý chấp hành các quy định về BVMT, quản lý chất thải theo đúng quy định.

Điều 6. Phối hợp thực hiện quan trắc và công khai thông tin về môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế xây dựng kế hoạch và thực hiện quan trắc theo kế hoạch; triển khai công tác lắp đặt, theo dõi, vận hành hệ thống trạm quan trắc tự động liên tục truyền về từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải trên địa bàn tỉnh và công bố công khai thông tin về số liệu quan trắc môi trường theo quy định.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế đảm bảo hệ thống quan trắc tự động của nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các KCN, CCN kết nối dữ liệu tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện quan trắc môi trường định kỳ tại các KCN, CCN trong phạm vi được giao quản lý theo đúng quy định của pháp luật, chia sẻ và công bố công khai thông tin về số liệu quan trắc.

3. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp tham gia công tác quan trắc môi trường, sử dụng kết quả quan trắc do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp phục vụ cho công tác quản lý môi trường ở địa phương.

Điều 7. Phối hợp trong công tác phòng ngừa ô nhiễm môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn tỉnh; có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh và công bố công khai các thông tin, cảnh báo; truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm chủ trì công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của mình và có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh trong việc cung cấp thông tin, số liệu, thẩm định các hồ sơ, thủ tục hoặc tham gia xử lý đối với trường hợp có liên quan đến lĩnh vực, đơn vị mình quản lý.

3. UBND cấp huyện là cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý, có trách nhiệm: Xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trên địa bàn theo thẩm quyền.

4. UBND cấp xã là cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn và có trách nhiệm: Xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; xây dựng kế hoạch đưa tiêu chí 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm vào mục tiêu phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

5. Cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa và bảo vệ môi trường có quyền đề nghị các cơ quan, tổ chức khác phối hợp thực hiện.

Điều 8. Phối hợp trong việc xử lý ô nhiễm môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì việc xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường tại các cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ trường hợp thuộc địa bàn quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế) hoặc các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến địa bàn của nhiều huyện, cụ thể:

a) Khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động hoặc phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra tại hiện trường, xử lý các đối tượng vi phạm; hướng dẫn, yêu cầu đối tượng gây ô nhiễm môi trường thực hiện ngay các biện pháp để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường và khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra.

b) Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, kịp thời tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo ứng phó với các sự cố môi trường nhằm huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị để xử lý, khắc phục các sự cố môi trường.

c) Thực hiện việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã là cơ quan phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế để xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm trong các trường hợp nêu tại Khoản 1, Điều này, có trách nhiệm chấp thuận sự điều động của cơ quan chủ trì hoặc Ban chỉ đạo ứng phó với các sự cố môi trường (trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng) về lực lượng, phương tiện; tham gia giải quyết, xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì trong việc xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn, trừ trường hợp do Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc do Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì xử lý.

a) Khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về ô nhiễm môi trường, UBND cấp huyện chủ động hoặc phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra tại hiện trường, xử lý các đối tượng vi phạm; hướng dẫn, yêu cầu đối tượng gây ô nhiễm môi trường thực hiện ngay các biện pháp để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường hoặc khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra.

b) Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường vượt quá khả năng, thẩm quyền phải kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn xử lý nhằm khắc phục các sự cố môi trường.

c) Thực hiện việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý. Trường hợp giải quyết kiến nghị về ô nhiễm môi trường nhưng chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể, UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn có văn bản trao đổi nghiệp vụ với các ngành có liên quan để được hướng dẫn và phối hợp xử lý.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý các trường hợp thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường để xảy ra ô nhiễm môi trường tại các khu vực thuộc trách nhiệm quản lý.

a) Khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về ô nhiễm môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi xảy ra ô nhiễm và phối hợp với các Sở, ban, ngành, có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra tại hiện trường, xử lý các đối tượng vi phạm; hướng dẫn, yêu cầu đối tượng gây ô nhiễm môi trường thực hiện ngay các biện pháp để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường hoặc khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra.

b) Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường vượt quá khả năng, thẩm quyền phải kịp thời phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn xử lý nhằm khắc phục các sự cố môi trường.

c) Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý.

5. UBND cấp xã chủ trì xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn khu dân cư thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp có vấn đề vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo với UBND cấp huyện để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh và trước pháp luật khi xảy ra các vấn đề về ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị.

7. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và các quy định của pháp luật.

Điều 9. Phối hợp trong việc khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì trong công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, đánh giá và công bố hiện trạng môi trường sau khi đã được khắc phục; tham mưu cho UBND và Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp hạn chế, can thiệp hoặc phục hồi môi trường.

b) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả và phục hồi môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, Khoản 1, Điều này; kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh áp dụng các hình thức cưỡng chế, bắt buộc các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm thực hiện biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường.

3. UBND cấp huyện, xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện việc khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn mình quản lý.

4. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường chịu trách nhiệm: Thực hiện biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và các quy định của pháp luật.

5. Kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân gây ra ô nhiễm môi trường hoặc sự cố môi trường thì phải chịu trách nhiệm về kinh phí thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

b) Trường hợp ô nhiễm môi trường hoặc sự cố môi trường không do lỗi của tổ chức, cá nhân gây ra thì các cơ quan chủ trì phải có trách nhiệm xây dựng dự toán, dự trù nguồn kinh phí để xử lý (*từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường theo quy định và ngân sách nhà nước*) trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và bố trí kinh phí theo phân cấp hiện hành để thực hiện. Trường hợp ô nhiễm môi trường, sự cố ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến địa bàn hai (02) huyện trở lên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xử lý, tham mưu xử lý.

Điều 10. Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT

1. Định kỳ hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT trình UBND tỉnh phê duyệt và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố, Công an tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra theo lĩnh vực quản lý của ngành gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/01 hàng năm để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Khi tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành về BVMT, các đơn vị là thành viên có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu có liên quan đến chuyên ngành quản lý để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Kết thúc thanh tra, kiểm tra, cơ quan chủ trì thông báo tới các cơ quan liên quan kết luận thanh tra, kiểm tra để cùng theo dõi, quản lý.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế là đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung về BVMT của các chủ đầu tư hạ tầng KCN, các doanh nghiệp trong các KCN, CCN. Khi phát hiện các vi phạm vượt quá thẩm quyền, kịp thời báo cáo UBND tỉnh và thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp giải quyết; Các sở, ban, ngành phối hợp kiểm tra theo lĩnh vực chuyên ngành trên cơ sở kế hoạch thanh tra, kiểm tra được UBND tỉnh phê duyệt; UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp kiểm tra các dự án trên địa bàn huyện quản lý.

5. Về nguyên tắc thanh tra, kiểm tra:

a) Khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với các doanh nghiệp và đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Trường hợp kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT theo đơn thư khiếu nại, khiếu kiện của người dân, ý kiến kiến nghị của cử tri, cơ quan thông tấn, báo chí. Cơ quan được UBND tỉnh giao chủ trì phải tiến hành ngay việc kiểm tra và xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có). Không mở rộng phạm vi thanh tra, kiểm tra vượt quá nội dung của quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất.

c) Trường hợp phát hiện thấy nội dung, phạm vi thanh tra có chồng chéo, trùng lặp với cơ quan thực hiện chức năng thanh tra khác, Thủ trưởng cơ quan tiến hành thanh tra phải báo ngay với cơ quan hành chính cùng cấp, cơ quan thanh tra cấp trên và cơ quan, đơn vị có liên quan để có giải pháp phù hợp, tránh chồng chéo, trùng lặp và đảm bảo tính kế thừa trong hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về BVMT

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan:

a) Khi phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm về bảo vệ môi trường xảy ra trong phạm vi quản lý phải có trách nhiệm thông báo và cung cấp tài liệu có liên quan cho cơ quan Công an để thực hiện công tác nghiệp vụ và xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Cung cấp kết quả xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về BVMT theo thẩm quyền và các thông tin, tài liệu khác có liên quan cho cơ quan Công an để thực hiện công tác nghiệp vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật BVMT.

c) Hỗ trợ kỹ thuật trong công tác lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường làm cơ sở cho cơ quan Công an lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Công an tỉnh

a) Khi nhận được tin báo và tài liệu có liên quan về tội phạm vi phạm pháp luật về BVMT do các cấp, ngành, đơn vị chuyển đến, phải kịp thời triển khai các biện pháp nghiệp vụ và xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện, thành phố nơi có hành vi vi phạm kết quả xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm về môi trường.

Điều 12. Phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, kiến nghị về lĩnh vực BVMT

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh.

b) Duy trì hoạt động đường dây nóng tiếp nhận các thông tin phản ánh của cộng đồng về các vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế:

a) Là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và chủ trì giải quyết theo thẩm quyền về các vấn đề môi trường trong các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh.

b) Khi tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường của các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh. Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo các ngành phối hợp giải quyết.

3. UBND các huyện, thành phố là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về lĩnh vực BVMT trên địa bàn quản lý.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan khi tiếp nhận kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường thuộc quản lý chuyên ngành thì có trách nhiệm xử lý theo phân cấp hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để cùng phối hợp tham gia giải quyết theo quy định.

5. Trường hợp có các ý kiến khác nhau về giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường phải báo cáo lãnh đạo cùng cấp của ngành mình xem xét, giải quyết. Đối với những vấn đề chưa thống nhất, cơ quan thụ lý có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất hướng giải quyết báo cáo UBND tỉnh.

Điều 13. Phối hợp xử lý các vụ việc về môi trường, sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh thông qua đường dây nóng

1. Trách nhiệm và quyền hạn xử lý

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xử lý, phản hồi thông tin đối với các trường hợp sau: Các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên diện rộng, có tính chất liên huyện; các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường mà quy mô cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường của UBND tỉnh (Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Đề án bảo vệ môi trường chi tiết), Sở Tài nguyên và Môi trường (Kế hoạch bảo vệ môi trường).

b) UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm xử lý và phản hồi thông tin đối với các trường hợp còn lại (trừ các trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này).

2. Tiếp nhận và chuyển thông tin

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị từ Tổng cục Môi trường và các tổ chức, cá nhân; chuyển thông tin phản ánh đến Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

b) UBND các huyện, thành phố: Tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị từ Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân; chuyển thông tin phản ánh đến UBND cấp xã.

3. Xác minh thông tin

a) Ngay sau khi tiếp nhận thông tin từ các cán bộ đầu mối đường dây nóng của tỉnh, đơn vị đầu mối cấp huyện phải báo cáo Lãnh đạo UBND cấp huyện để chỉ đạo xác minh thông tin.

b) Thời hạn xác minh thông tin phải được thực hiện trong vòng 24 giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin từ cán bộ đầu mối đường dây nóng tỉnh.

4. Xử lý thông tin

Ngay sau khi thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về vấn đề ô nhiễm môi trường được xác định là đúng:

a) UBND các huyện kịp thời triển khai ngay các biện pháp ngăn chặn việc phát tán chất gây ô nhiễm; xác minh đối tượng gây ô nhiễm, phạm vi và mức độ ô nhiễm. Trường hợp vụ việc phức tạp, vượt quá khả năng đáp ứng của UBND huyện thì cần thông báo về Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được báo cáo của UBND cấp huyện phải chỉ đạo thực hiện ngay các biện pháp xử lý, ngăn chặn, ứng phó ô nhiễm môi trường, xác minh đối tượng gây ô nhiễm môi trường, phạm vi và mức độ ô nhiễm. Trường hợp vụ việc phức tạp cần có sự giải quyết của nhiều cấp, nhiều ngành, phải báo UBND tỉnh, Tổng cục Môi trường để được hướng dẫn chỉ đạo phối hợp giải quyết.

c) Việc xử lý thông tin được hoàn thành trong vòng 48 tiếng kể từ khi nhận được kết quả xác minh thông tin là chính xác.

5. Phản hồi thông tin

Sau khi nhận được kết quả xử lý thông tin, Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện lập báo cáo ngắn gọn về: tính xác thực nội dung thông tin, nguyên nhân ô nhiễm, đối tượng gây ô nhiễm, mức độ và phạm vi ô nhiễm, đối tượng bị ảnh hưởng ô nhiễm, các biện pháp ngăn chặn/xử lý, định hướng triển khai các biện pháp khác trong thời gian tới, gửi cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, (đưa ra các bước xử lý tiếp theo nếu cần thiết) và cung cấp kết quả xác minh, xử lý thông tin tới người cung cấp thông tin được biết.

6. Tổ chức thực hiện

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Đầu mối theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh; tổng hợp báo cáo cho UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 hằng tháng; Công khai đường dây nóng trên cổng thông tin điện tử; Bố trí kinh phí phục vụ cho công tác

tiếp nhận và xử lý thông tin về ô nhiễm môi trường (thuộc thẩm quyền xử lý của cấp tỉnh) thông qua đường dây nóng.

b) UBND cấp huyện, thành phố: Xây dựng quy trình phối hợp với UBND cấp xã về xử lý các vụ việc về môi trường, sự cố môi trường trên địa bàn huyện, thành phố qua đường dây nóng; Công khai đường dây nóng trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện, thành phố; Bố trí kinh phí cho việc công tác tiếp nhận và xử lý thông tin về các vấn đề ô nhiễm môi trường (thuộc thẩm quyền xử lý của cấp huyện, thành phố) thông qua đường dây nóng; Tổng hợp báo cáo cho UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về kết quả tiếp nhận, xử lý thông tin thông qua đường dây nóng trước 25 hằng tháng.

Điều 14. Phối hợp, trao đổi thông tin

Tùy theo tính chất, nội dung của công việc, cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp sau đây:

1. Lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Cơ quan chủ trì có văn bản đề nghị tham gia ý kiến và các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc cần xin ý kiến tham gia gửi kèm đến các cơ quan phối hợp. Văn bản đề nghị phải xác định cụ thể nội dung, thời gian cần xin ý kiến đối với từng cơ quan phối hợp.

Cơ quan chủ trì có thể yêu cầu cơ quan phối hợp sửa trực tiếp vào hồ sơ hoặc có ý kiến bằng văn bản và ấn định thời gian góp ý tối thiểu là năm (05) ngày, tối đa không quá mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan phối hợp nhận được văn bản đề nghị và các tài liệu, hồ sơ của cơ quan chủ trì.

b) Cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia ý kiến theo đề nghị của cơ quan chủ trì theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình. Trường hợp cơ quan phối hợp không có ý kiến tham gia theo đề nghị của cơ quan chủ trì phải nêu rõ lý do. Quá thời hạn quy định mà cơ quan phối hợp không có ý kiến thì cơ quan chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Người đứng đầu cơ quan phối hợp phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc không có ý kiến hoặc có ý kiến chậm so với quy định.

c) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tiếp thu, tổng hợp ý kiến của cơ quan phối hợp, trường hợp không tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp thì phải có văn bản giải trình về lý do không tiếp thu và phải chịu trách nhiệm về việc không tiếp thu ý kiến đó.

2. Lấy ý kiến tại cuộc họp:

a) Chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, cơ quan chủ trì gửi cơ quan phối hợp Công văn mời họp, trong đó xác định thời gian, địa điểm, nội dung và thành phần tham dự cuộc họp. Kèm theo Công văn mời họp phải gửi đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các vấn đề cần xin ý kiến. Trường hợp

cần thiết phải giải quyết nhanh công việc theo yêu cầu của UBND tỉnh mà chưa chuẩn bị đầy đủ các tài liệu, hồ sơ và không đảm bảo đúng thời gian như quy định trên thì phải nêu rõ lý do trong Công văn mời họp.

b) Thủ trưởng cơ quan phối hợp phải cử cán bộ, công chức tham gia theo đúng thành phần và yêu cầu của cơ quan chủ trì; cán bộ, công chức tham gia họp phải có trách nhiệm phát biểu về vấn đề cần lấy ý kiến và chịu trách nhiệm về ý kiến phát biểu tại cuộc họp. Trường hợp cán bộ, công chức được thủ trưởng cử tham gia họp không đúng thành phần theo đề nghị của cơ quan chủ trì thì thủ trưởng cơ quan cử cán bộ, công chức tham gia họp phải có giấy ủy quyền cho cán bộ, công chức tham gia họp phát biểu về vấn đề cần lấy ý kiến theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về ý kiến phát biểu của cơ quan mình tại cuộc họp. Cơ quan được mời họp có quyền từ chối tham gia họp nếu việc gửi Công văn, tài liệu không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này hoặc vì lý do chính đáng khác. Lý do từ chối tham gia họp phải được thể hiện bằng văn bản và gửi đến cơ quan chủ trì trước khi họp.

c) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm ghi đầy đủ nội dung cuộc họp bằng văn bản. Nếu cuộc họp thống nhất được các nội dung thì ý kiến kết luận tại cuộc họp phải bao gồm ý kiến của tất cả các thành viên tham gia họp; trường hợp nội dung cuộc họp không thống nhất thì phải ghi đầy đủ ý kiến của từng thành viên tham gia họp. Kết thúc cuộc họp, các thành viên tham gia họp có trách nhiệm ký vào biên bản để xác nhận ý kiến của mình. Trường hợp cơ quan phối hợp cử cán bộ tham gia họp không đúng thành phần thì thủ trưởng cơ quan ký xác nhận và chịu trách nhiệm về ý kiến của cơ quan mình tại Biên bản cuộc họp.

3. Khảo sát, kiểm tra thực địa:

a) Trong thời gian từ 2 - 5 ngày trước ngày tiến hành khảo sát, kiểm tra, cơ quan được giao chủ trì có Công văn đề nghị cơ quan phối hợp tham gia khảo sát, kiểm tra. Công văn đề nghị tham gia khảo sát, kiểm tra phải xác định rõ thời gian, địa điểm, nội dung khảo sát, kiểm tra; yêu cầu về số lượng, chức vụ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác của người tham gia khảo sát, kiểm tra; các điều kiện về phương tiện đi lại, thiết bị, dụng cụ cần thiết để thực hiện việc khảo sát, kiểm tra hoặc các điều kiện khác (nếu có).

b) Chậm nhất là 1 ngày trước ngày tiến hành khảo sát, kiểm tra, cơ quan phối hợp phải có Công văn trả lời hoặc thông báo cho cơ quan chủ trì biết về việc cử cán bộ, công chức tham gia khảo sát, kiểm tra kể cả trường hợp từ chối tham gia khảo sát, kiểm tra nếu việc phối hợp không phù hợp.

c) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm lập biên bản về việc khảo sát, kiểm tra. Biên bản khảo sát, kiểm tra phải thể hiện đầy đủ thành phần, thời gian, địa điểm, các nội dung khảo sát, kiểm tra thực tế. Các thành viên tham gia khảo sát, kiểm tra có trách nhiệm ký vào Biên bản để làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Cơ quan chủ trì thực hiện đối với từng nội dung theo Quy chế này có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện với UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp).

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và quy định tại Quy chế này có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước 31/12 hằng năm về kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện về UBND tỉnh trước ngày 15/01 của năm sau, đồng thời gửi cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan để biết, phối hợp.

4. Các Quyết định phối hợp thanh tra, kiểm tra, xử lý và kết quả xử lý vi phạm hành chính đối với các dự án đầu tư trong các KCN, CCN, Khu kinh tế cửa khẩu, cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi tới cơ quan liên quan để biết và phối hợp (trừ các thông tin được bảo mật theo quy định)

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ phối hợp; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền về thực hiện Quy chế này trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Các cơ quan tham gia phối hợp có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *g*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa
Nguyễn Văn Hòa